

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 909/2025/DS-PT
Ngày: 19/11/2025
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diệp Linh

Các Thẩm phán: Bà Đặng Mai Hoa

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 456/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 07 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 218/2024/DS-ST ngày 28 tháng 09 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 595/2025/QĐPT-DS ngày 05 tháng 08 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 679/2025/QĐPT-HPTDS ngày 26 tháng 08 năm 2025; Thông báo mở lại phiên tòa số 741/2025/QĐPT-HPTDS ngày 30 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C1. Trụ sở: Số A T, phường C, quận H, TP Hà Nội (nay là phường C, thành phố Hà Nội). Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Tuấn A, ông Phạm Duy A1 – Cán bộ Ngân hàng (theo Giấy ủy quyền số 63 ngày 26/9/2023).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982. HKTT và cư trú tại: Số C phố P, tổ I, phường P, quận L, TP Hà Nội (nay là phường P, thành phố Hà Nội).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hoàng Ngọc K, sinh năm 1956
- Anh Hoàng Ngọc Đ, sinh năm 2001
- Chị Hoàng Diệu V, sinh năm 2005

Cùng HKTT: Số C, tổ I, phường P, quận L, thành phố Hà Nội (Nay là phường P, Hà Nội). Ông K hiện đang chấp hành án tại Trại giam P - tỉnh Thái Nguyên.

Do có kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Ngọc K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Căn cứ theo Giấy đề nghị vay vốn, Ngân hàng TMCP C1 – chi nhánh T3 (Gọi tắt là Ngân hàng V1) phê duyệt hạn mức cho vay và ký kết Hợp đồng tín dụng số 01.2011/HĐTD-NTH ngày 19/09/2011 với bà Nguyễn Thị H với nội dung cụ thể như sau: Phương thức cho vay: Ngân hàng cho B vay vay với tổng số tiền là: 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng); Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua quyền sử dụng đất tại thửa đất số 124-2 tờ bản đồ số 16 tại L, B, L, Hà Nội; Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

- Biện pháp bảo đảm: Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Hoàng Ngọc K, bà Nguyễn Thị H đã thế chấp: Thửa đất số 326, tờ bản đồ số 10, thôn Đ, xã Hội Xá, G, Hà Nội theo Giấy chứng nhận QSDĐ số Y 824797 mang tên ông Hoàng Ngọc K do UBND huyện G cấp ngày 08/12/2003, số hồ sơ gốc: 2668 QSDĐ/STTB. Hợp đồng thế chấp số 1714.2011/HĐTC được Văn phòng C2 ngày 19/09/2011. Thửa đất số 310-1, tờ bản đồ số 10, thôn Đ, xã Hội Xá, G, Hà Nội theo Giấy chứng nhận QSDĐ số X 104252 mang tên ông Hoàng Ngọc K do UBND huyện G cấp ngày 15/10/2003, số hồ sơ gốc: 02268QSDĐ/STTB. Hợp đồng thế chấp số 1715.2011/HĐTC tại Văn phòng C2 ngày 19/09/2011.

- Quá trình thực hiện hợp đồng: Để thực hiện Hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng V1 – chi nhánh T3 đã thực hiện giải ngân cho bà Nguyễn Thị H với tổng số tiền là: 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng). Bà H đã có Giấy nhận nợ ngày 22/9/2011.

- Vi phạm nghĩa vụ: Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng đầy đủ và đúng hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị H, ông Hoàng Ngọc K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng nêu trên chỉ trả lãi tháng 10, 11 năm 2011 mà chưa trả bất kỳ khoản tiền nợ gốc nào. Ngân hàng đã tích cực kiểm tra, đôn đốc và nhiều lần làm việc tuy nhiên bà H vẫn trây ì không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Trong suốt thời gian bà phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo

đến bà về tình hình nợ quá hạn, đôn đốc, nhắc nhở bà trả nợ theo các Thông báo nợ quá hạn, Biên bản làm việc nhưng bà vẫn không thực hiện trả nợ theo cam kết.

Tính đến ngày 07/8/2023, bà Nguyễn Thị H, ông Hoàng Ngọc K còn nợ Ngân hàng V1 các khoản sau:

- + Dư nợ gốc: 4.000.000.000 đồng;
- + Nợ lãi: 8.988.111.111 đồng;
- + Lãi phạt quá hạn: 4.189.501.057 đồng.

Tổng cộng: 17.177.612.168 đồng (Mười bảy tỷ, một trăm bảy bảy triệu, sáu trăm mười hai nghìn, một trăm sáu tám đồng).

- Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Hoàng Ngọc K phải thanh toán ngay cho Ngân hàng V2 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt nêu trên theo Hợp đồng tín dụng số 01.2011/HĐTD-NTH đã ký kết ngày ngày 19/9/2011 và Giấy nhận nợ ngày 22/9/2011.

+ Trường hợp bà Nguyễn Thị H, ông Hoàng Ngọc K không trả được nợ thì Ngân hàng V2 đề nghị Cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là:

Quyền sử dụng thửa đất và tài sản gắn liền trên đất số 326, tờ bản đồ số 10, thôn Đ, xã Hội Xá, G, Hà Nội (nay là tổ A, phường P, quận L, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận QSDĐ số Y824797 mang tên ông Hoàng Ngọc K do UBND huyện G cấp ngày 08/12/2003, số hồ sơ gốc: 2668 QSDĐ/STTB. Theo Hợp đồng thế chấp số 1714.2011/HĐTC được Văn phòng C2 ngày 19/09/2011. Đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – UBND quận L ngày 20/09/2011.

Quyền sử dụng thửa đất và tài sản gắn liền trên đất số 310-1, tờ bản đồ số 10 địa chỉ thôn Đ, xã Hội Xá, G, Hà Nội (nay là tổ I, phường P, quận L, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận QSDĐ số X104252 mang tên ông Hoàng Ngọc K do UBND huyện G cấp ngày 15/10/2003, số hồ sơ gốc: 02268QSDĐ/STTB. Hợp đồng thế chấp số 1715.2011/HĐTC được Văn phòng C2 ngày 19/09/2011. Đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – UBND quận L ngày 20/09/2011 để thu hồi nợ.

Trường hợp phát mại các tài sản thế chấp nêu trên không thu hồi đủ nợ thì bà Nguyễn Thị H, ông Hoàng Ngọc K phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V2 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

Bà Nguyễn Thị H, ông Hoàng Ngọc K tiếp tục phải chịu lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền.

* **Bị đơn bà Nguyễn Thị H** có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Bà có ký kết hợp đồng tín dụng số 01.2011/HĐTD-NTH ngày 19/9/2011 với

ngân hàng TMCP C1, số tiền vay là 4 tỷ đồng và thừa nhận có tự nguyện ký hợp đồng thế chấp quyền tài sản đảm bảo cho khoản vay trên tại Văn phòng công chứng.. Tuy nhiên, đến khi giải ngân khoản tiền thì không biết các cán bộ ngân hàng đã thực hiện các thủ tục giải ngân như thế nào nhưng bản thân bà Nguyễn Thị H là người vay không nhận được khoản tiền vay như đã cam kết trong hợp đồng mà tiền được chuyển cho anh Lý Trí S (bà H không có quan hệ gì với người này). Bà Nguyễn Thị H khai có ký vào một số giấy tờ trống không có nội dung theo hướng dẫn của cán bộ Ngân hàng để làm thủ tục giải ngân. Thủ tục hồ sơ vay ngân hàng là do ngân hàng và chị Lý Thị G đứng ra làm hồ sơ, sự việc này bà bị Lý Thị G và cán bộ ngân hàng lừa toàn bộ số tiền vay, bà Nguyễn Thị H không hề biết và không nhận được tiền vay. Việc trả lãi khoản vay vào tháng 10, tháng 11 năm 2011 do ai thực hiện bà Nguyễn Thị H không nhớ, không biết vì sự việc đã lâu. Nay, ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả toàn bộ tiền gốc, tiền lãi, tiền lãi phạt tổng là 17.177.612.168 đồng bà H có lời khai không đồng ý trả tiền, có lời khai lại đề nghị ngân hàng xem xét tính chất sự việc và điều kiện hoàn cảnh thực tế của gia đình, đề nghị ngân hàng xem xét miễn giảm toàn bộ tiền lãi cho bà, bà xin thanh toán toàn bộ số tiền gốc là 4.000.000.000 đồng.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Ngọc K có lời khai trình bày:** vợ ông là Nguyễn Thị H có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, ông không uỷ quyền cũng không ký vào hợp đồng, việc vay vốn này ông được biết do chị Lý Thị G hướng dẫn vợ ông. Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đảm bảo cho khoản vay ông và vợ là bà H có ký kết tại Văn phòng công chứng, sau khi ký thì Ngân hàng giải ngân ngày nào ông không biết. Sau đó ông được vợ thông báo là có ký vào một uỷ nhiệm chi nhưng chỉ ký và không ghi nội dung. Một tuần sau thì vợ chồng ông được ngân hàng thông báo là anh Lý Trí S đã nhận toàn bộ số tiền. Khi biết việc ông S nhận số tiền trên thì ông đã báo cho ngân hàng việc gia đình ông không nhận được tiền thì được cán bộ Ngân hàng trả lời do chị H vợ tôi đã ký uỷ nhiệm chi cho Lý Trí S. Vì vậy ông đã làm đơn tố cáo hành vi cấu kết của Lý Thị G và các cán bộ Ngân hàng để lừa đảo tiền của gia đình ông. Hiện nay công an quận L vẫn đang thụ lý vụ việc. Nay Ngân hàng khởi kiện, ông không đồng ý giải quyết vụ việc dân sự, đề nghị xử lý về hình sự. Ông không đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, không đồng ý phát mại tài sản, không đồng ý với các phương án hoà giải do Ngân hàng đưa ra. Ông đang chấp hành án nên xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc và phiên toà nếu toà xét xử.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Ngọc Đ, chị Hoàng Diệu V đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt, không có quan điểm trong suốt quá trình giải quyết vụ án.**

* Về nội dung ông Hoàng Ngọc K, bà Nguyễn Thị H có đơn tố cáo Lý Thị G và một số cán bộ ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh T3 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản số tiền 4 tỷ đồng. Vụ việc đã được Cơ quan CSĐT – Công an quận L tiếp nhận, thụ lý, giải quyết. Quá trình xác minh tin báo, tố giác về tội phạm, cơ quan CSĐT – Công an quận long B đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị H tại Lệnh chỉ ngày 19/9/2011 (ký hiệu A1), giấy nhận nợ ngày 22.9.2011 (ký hiệu A2). Tại bản Kết luận giám định số 4600/C54-P5 ngày 22/11/2016 của V3 - T4 kết luận:

-Chữ ký và các chữ Nguyễn Thị H dưới các mục: “Chủ tài khoản” trên tài liệu cần giám định trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và “Người nhận nợ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị H trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra.

-Không xác định được chữ ký và các chữ “Nguyễn Thị H” dưới các mục: “Chủ tài khoản” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và “Người nhận nợ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 được ký và viết trước, sau hay cùng thời điểm so với chữ viết còn lại trên cùng tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2.

Ngoài ra, khi làm việc với cơ quan CSĐT – Công an quận L:

1.1. Anh Lý Trí S có lời khai thể hiện: Khoảng tháng 9 năm 2011 được Lý Thị G gọi điện thoại hỏi số tài khoản của anh S tại Ngân hàng C1 để cho chị H mượn, đến ngày 22/9/2011 anh S được chị G gọi điện nhờ chở H sang ngân hàng rút tiền từ tài khoản. anh S có lái ô tô chở chị H sang ngân hàng C1 chi nhánh T3, anh S có làm thủ tục rút số tiền 04 tỷ đồng từ ngân hàng và chị H là người trực tiếp đếm tiền và cầm tiền. Khi nhận tiền xong anh S chở chị H về nhà chị G tại H N - L còn anh S về nhà. Anh S thừa nhận trước đây anh có ngôi nhà ở L - B - L sổ đỏ mang tên anh Lý Trí S. Năm 2009 anh S đã bán ngôi nhà trên cho ông Phạm Ngọc L và đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Về hợp đồng mua bán mảnh đất tại B - L giữa người mua là chị Nguyễn Thị H và người bán là Lý Trí S cùng vợ là Nguyễn Thị Nguyên N anh S không thừa nhận chữ ký trong hợp đồng là của bản thân, anh S không bán đất trên cho chị H. Anh S khai chỉ ký Hợp đồng mua bán tại Văn phòng C3 với chị H đối với mảnh đất 2000m² tại Hồ N, S, Hà Nội. Thực chất mảnh đất trên là tài sản của chị Lý Thị G nhờ tôi đứng tên sổ đỏ. Chị G có nhờ anh bán mảnh đất trên với diện tích 1000m² cho chị Nguyễn Thị H và chồng là anh Hoàng Ngọc K vào khoảng cuối năm năm 2011 do thị G làm ăn gặp khó khăn nên có nhờ S làm thủ tục hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng mảnh đất trên với. Sau một thời gian anh S được H gọi điện nhờ ra văn phòng C3 để hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng mảnh đất 1000m² tại xã H S để H bán mảnh đất trên cho người khác. Việc chị H vay tiền ngân hàng như thế

nào anh S hoàn toàn không biết và anh S chỉ được chị G nhờ tài khoản của anh S cho chị H và chị H trực tiếp cùng anh S sang Ngân hàng, anh S làm thủ tục rút tiền và chị H cầm toàn bộ số tiền trên. Anh S được biết số tiền được rút ra là 4.000.000.000đồng, chị H cầm toàn bộ.

1.2.Lời khai của Lý Thị G thể hiện: Chị Nguyễn Thị H là nhân viên của G, mọi giao dịch làm ăn và vay vốn của G với bên ngân hàng và các đối tác H đều tham gia và biết. Năm 2010 H có cho G vay số tiền 2,5 tỷ để kinh doanh và G có thế chấp mảnh đất 2000m² tại xã H - S - Hà Nội (có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất). Đến tháng 8 năm 2011 H có nói với G là đang thế chấp hai mảnh đất tại phường P với ngân hàng và muốn rút hai sổ đỏ ra để vay ngân hàng khác với số tiền nhiều hơn để hoàn thiện nhà và làm ăn. G có đưa trả cho H số tiền 2,5 tỷ đã vay để H làm thủ tục giải chấp ngân hàng (không viết giấy giao nhận tiền và không làm hợp đồng hủy bỏ quyền sử dụng đất). Việc H làm thủ tục vay tiền ngân hàng nào thì G không biết, G chỉ biết H hỏi G mượn tài khoản của Lý Trí S (em G). Đến ngày 22/9/2011, G được biết H cùng S sang ngân hàng C1 chi nhánh T3 rút tiền và được H đưa lại cho số tiền 2,5 tỷ đồng, và một thời gian sau G được H đưa tiếp số tiền 1,5 tỷ đồng (không viết giấy biên nhận). G không thừa nhận việc H nhờ G làm thủ tục vay vốn tại ngân hàng C1 chi nhánh T3. Quá trình làm ăn gặp khó khăn lên G có thương lượng với H trả cho H mảnh đất 1000m² tại xã H - S - Hà Nội mà G nhờ anh Lý Trí S đứng tên hộ và giao toàn bộ quyền quản lý cửa hàng thời trang cùng toàn bộ hàng hóa, trang thiết bị tại F N để H làm ăn (trị giá toàn bộ khoảng 2,7 tỷ đồng). Anh S sau đó đã làm thủ tục chuyển nhượng diện tích đất trên cho vợ chồng Nguyễn Thị H, Hoàng Ngọc K.

1.3. Lời khai của các cán bộ ngân hàng là Trương Ngọc C, Mai Sinh T1 thể hiện: Tháng 9/2011 chị H sang ngân hàng C1 chi nhánh T3 đặt vấn đề vay vốn ngân hàng, anh Mai Sinh T1 hướng dẫn chị H làm thủ tục vay vốn và chị H có đưa các tài liệu gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng hai mảnh đất thế chấp tại phường P - L(bản phô tô) cùng một hợp đồng mua bán quyền sử dụng đất mảnh đất 124-1 - L - Bồ Đề L giữa bên mua là Nguyễn Thị H bên bán là anh Lý Trí S (bản chính) và một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Lý Trí S (phô tô). Sau khi nhận hồ sơ, ngân hàng phô to hợp đồng mua bán quyền sử dụng đất để lưu hồ sơ giữa chị H và anh S và trả cho chị H hợp đồng mua bán bản chính. Sau khi xem xét hồ sơ bên ngân hàng có chị Tạ Thu H1 - phó giám đốc cùng anh C, Mai Sinh T1 được chị H dẫn đi thẩm định tài sản thế chấp hai mảnh đất tại phường P - L và mảnh đất mua của anh Lý Trí S tại B - L. Sau khi tự thẩm định xong tài sản, phía chị H đã cung cấp các giấy tờ xác định nguồn thu nhập và các giấy tờ liên quan khác. Ngày 19/9/2011, anh Mai Sinh T1 hẹn vợ chồng anh

Hoàng Ngọc K và chị Nguyễn Thị H sang văn phòng C2 – Nguyễn Khánh T2 để ký các thủ tục thế chấp và hợp đồng tín dụng. Sau khi làm các thủ tục thế chấp, ngân hàng mời chị H sang ngân hàng ký vào giấy nhận nợ và lệnh chi tiền người thừa hưởng là anh Lý Trí S (theo mẫu của ngân hàng). Đến ngày 22/9/2011 chị Nguyễn Thị H cùng anh Lý Trí S sang ngân hàng C1 chi nhánh T3, anh Trương Ngọc C đã giúp làm thủ tục cho anh Lý Trí S nhận tiền từ ngân hàng và chị H là người trực tiếp đếm tiền và cầm tiền cùng anh S đi về.

Kết quả xác minh tiến độ giải quyết đối với đơn tố cáo trên thể hiện: Hiện nay cơ quan CSĐT – Công an quận L đang tạm dừng xác minh do chưa làm việc được với một số đối tượng liên quan đến vụ việc nên chưa đủ căn cứ phục hồi giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 218/2024/DS-ST ngày 28 tháng 09 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội) đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần C1 đối với bà Nguyễn Thị H về yêu cầu thanh toán khoản tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 01.2011/HĐTD-NTH ngày 19/9/2011 và Giấy nhận nợ ngày 22/9/2011.

2. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C1 số tiền còn nợ tính đến ngày 28/9/2024 là 12.468.327.778đ (Mười hai tỉ, bốn trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 4.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 60.277.778 đồng, nợ lãi quá hạn là 8.408.050.000 đồng. Bà Nguyễn Thị H tiếp tục phải trả lãi cho Ngân hàng TMCP C1 đối với nợ gốc còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ kèm theo kể từ ngày 29/9/2024 cho đến khi trả xong nợ gốc.

3. Trường hợp bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì Ngân hàng TMCP C1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 326 tờ bản đồ số 10, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện G, thành phố Hà Nội (Nay là Tổ A phường P, quận L, thành phố Hà Nội), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y824797, số vào sổ 2668.QSDD/STTB do UBND huyện G, thành phố Hà Nội cấp ngày 08/12/2003 mang tên ông Hoàng Ngọc K. Theo hợp đồng công chứng số 1714.2011/HĐTC tại văn phòng C2 ngày 19/9/2011. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP C1 chỉ yêu cầu phát mại tài sản theo diện tích, kích thước tài

sản bảo đảm theo số liệu đo đạc thực tế tại thời điểm cơ quan thi hành án tiến hành xử lý.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 310-1, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện G, Hà Nội (nay là Tổ I, phường P, quận L, thành phố Hà Nội). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X104252, số vào sổ 02268.QSDD/STTB do UBND huyện G, Hà Nội cấp ngày 15/10/2003 mang tên ông Hoàng Ngọc K. Theo hợp đồng công chứng số 1715.2011/HĐTC ngày 19/9/2011 tại Văn phòng C2.

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên các tài sản thế chấp có nghĩa vụ chuyển đi nơi khác để thi hành.

4. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp nêu trên không thu hồi đủ nợ thì bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP C1 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

5. Đình chỉ yêu cầu buộc thanh toán tiền phạt quá hạn của Ngân hàng TMCP C1 đối với bà Nguyễn Thị H.

6. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C1 đối với ông Hoàng Ngọc K về yêu cầu thanh toán khoản tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 01.2011/HĐTD-NTH ngày 19/9/2011 và Giấy nhận nợ ngày 22/9/2011.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 05.12.2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Ngọc K kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 218/2024/DS-ST ngày 28 tháng 09 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác nhận ngoài các tài liệu chứng cứ đã xuất trình cho Tòa án thì không còn chứng cứ nào khác xuất trình cho Tòa án. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa đưa ra quan điểm tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông K.

Ông Hoàng Ngọc K kháng cáo đề nghị Hủy bản án sơ thẩm vì: ông cho rằng đây là vụ án hình sự nên không thể xử dân sự. Vợ ông là bà H không nhận tiền từ ngân hàng nên ông không đồng ý trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự trong vụ án chưa chấp hành quyền, nghĩa vụ theo quy định

của bộ luật tố tụng dân sự. Phòng P1 – Công an thành phố H đã có công văn trả lời không trích xuất phạm nhân Hoàng Ngọc K, do đây là phiên tòa lần thứ 2 nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử: không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Ngọc K; Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 218/2024/DS-ST ngày 28 tháng 09 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội). Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Hoàng Ngọc K được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Ngọc K đảm bảo về chủ thể, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên việc kháng cáo là hợp lệ. Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại công văn số 1606/PC10 – Đ2 ngày 05.11.2025 của Phòng PC10 – Công an thành phố H về việc Trích xuất phạm nhân theo đề nghị của Tòa án để phục vụ công tác xét xử vụ án dân sự có nêu: *Hiện nay các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác trích xuất phạm nhân đang giam giữ, cải tạo tại các cơ sở giam giữ thuộc lực lượng Công an nhân dân không có quy định về việc thực hiện trích xuất phạm nhân để phục vụ việc xét xử trong các vụ án dân sự. Do vậy, Phòng cảnh sát thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp Công an T chưa có căn cứ để làm thủ tục đề nghị Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ C4 ra lệnh trích xuất phạm nhân Hoàng Ngọc K.* Trong vụ này có duy nhất ông K kháng cáo và Hội đồng xét xử vẫn xem xét việc kháng cáo của ông K trong vụ án này là đảm bảo quyền lợi cho ông K nên Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt ông K theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Ngọc K, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 19/09/2011, Ngân hàng V1 có ký Hợp đồng tín dụng số 01.2011/HĐTD-NTH với bên vay bà Nguyễn Thị H với số tiền cho vay là 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng). Để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho khoản vay, bà Nguyễn Thị H, ông Hoàng Ngọc K đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản là:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 326 tờ bản đồ số 10, địa chỉ: Thôn Đ, huyện G, thành phố Hà Nội (Nay là tổ A phường P, L, Hà Nội), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y824797, số vào sổ 2668.QSDĐ/STTB do UBND huyện G, thành phố Hà Nội cấp ngày 08/12/2003 mang tên ông Hoàng Ngọc K. Theo hợp đồng thế chấp công chứng số 1714.2011/HĐTC tại văn phòng C2 ngày 19/9/2011.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 310-1, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện G, thành phố Hà Nội (nay là tổ I, phường P, quận L, Hà Nội); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X104252, số vào sổ 02268.QSDĐ/STTB do UBND huyện G, Hà Nội cấp ngày 15/10/2003 mang tên ông Hoàng Ngọc K theo hợp đồng thế chấp công chứng số 1715.2011/HĐTC ngày 19/9/2011 tại Văn phòng C2.

Ngân hàng V1 đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị H số tiền 4.000.000.000đồng, bà Nguyễn Thị H ký Lệnh chi chuyển toàn bộ khoản tiền vay nêu trên đến tài khoản của anh Lý Trí S mở tại Ngân hàng V1 với nội dung “Nguyễn Thị H thanh toán tiền nhà”. Bà Nguyễn Thị H đã ký Giấy nhận nợ ngày 22/9/2011 xác nhận với Ngân hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã trả được cho Ngân hàng số tiền 182.000.000đồng nợ lãi. Quá trình giải quyết vụ án, bà H thừa nhận việc ký kết hợp đồng tín dụng nêu trên nhưng không thừa nhận việc đã nhận tiền giải ngân từ Ngân hàng nên không đồng ý trả nợ. Bà H không thừa nhận là người thanh toán một phần tiền lãi cho Ngân hàng, không thừa nhận việc Ngân hàng đã giải ngân khoản vay cho mình. Ông Hoàng Ngọc K cũng khẳng định không ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, không uỷ quyền cho vợ là chị H ký kết hợp đồng, do cho rằng bà H không nhận được tiền vay nên ông cũng không đồng ý trả nợ. Ông Hoàng Ngọc K, bà Nguyễn Thị H có yêu cầu điều tra về việc giải ngân không đúng của Ngân hàng đến Công an quận L, thành phố Hà Nội. Hiện công an quận L đã tạm đình chỉ giải quyết đơn từ năm 2017 đến nay đã quá thời hạn điều tra nhưng chưa có kết luận gì khác.

Cấp sơ thẩm căn cứ tài liệu chứng cứ Ngân hàng xuất trình thể hiện bà H đã ký Giấy nhận nợ, ký Lệnh chi chuyển toàn bộ khoản tiền vay nêu trên để thanh toán tiền mua đất để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là đúng quy định của pháp luật. Cơ quan điều tra Công an quận L đã trưng cầu giám định và V3 T4 đã có kết luận giám định số 4600/C54-P5 ngày 22/11/2016 kết luận chữ ký và chữ viết “Nguyễn Thị H” dưới các mục Chủ tài khoản và Giấy nhận nợ với chữ ký chữ viết của Nguyễn Thị H trên các tài liệu mẫu giám định là do cùng một người ký và viết ra. Đối với việc bà H, ông K tố cáo bị lừa đảo, chiếm đoạt số tiền vay 4.000.000.000đồng hiện vẫn do cơ quan điều tra Công an quận L thụ lý giải

quyết, khi nào có kết quả giải quyết thì sẽ được xem xét tại vụ án khác nếu các đương sự có yêu cầu.

Ông Hoàng Ngọc K kháng cáo nhưng không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác, chỉ đề nghị không đưa vụ án ra xét xử dân sự nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông K.

Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 218/2024/DS-ST ngày 28 tháng 09 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội).

Về án phí: Ông Hoàng Ngọc K được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Ngọc K.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 218/2024/DS-ST ngày 28 tháng 09 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội).
3. Về án phí: Ông Hoàng Ngọc K được miễn án phí dân sự phúc thẩm.
4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND khu vực 5 – Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Diệp Linh